

BÀI 4: BÀ TÔI (tiết 15 – 20, SHS, tr.69 – 73)

I. MỤC TIÊU

1. Trao đổi được với bạn về những điều em thấy trong bức tranh; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung bài qua tên bài và tranh minh hoạ.
2. Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; hiểu nội dung bài đọc: *Tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của bà đối với cháu qua những việc làm quen thuộc mỗi ngày*; biết liên hệ: *quý trọng, kính yêu ông bà*.
3. Nghe – viết đúng đoạn văn; viết tên người thân theo thứ tự bảng chữ cái; phân biệt *l/n, uôn/uông*.
4. Mở rộng được vốn từ về gia đình (từ ngữ chỉ tình cảm, hoạt động thể hiện tình cảm); sắp xếp được từ thành câu.
5. Nói được 1 – 2 câu về nội dung từng tranh của câu chuyện *Những quả đào*; kể được từng đoạn của câu chuyện theo tranh và câu gợi ý; kể lại được toàn bộ câu chuyện.
6. Viết được bưu thiếp.
7. Chia sẻ được một bài văn đã đọc về gia đình.
8. Hát được bài hát về ông bà, nói được 1 – 2 câu về bài hát.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bài viết đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng* để hướng dẫn HS luyện đọc.
- Tranh ảnh, audio, video clip truyện *Những quả đào* (nếu có).
- Thẻ từ ghi sẵn từ ở BT 4 để tổ chức cho HS chơi trò chơi.
- HS mang tới lớp bài văn về gia đình đã tìm đọc.
- HS chuẩn bị bút màu và vật dụng để trang trí bưu thiếp.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1, 2

A. Khởi động

- HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói với bạn về bức tranh (trong tranh có ai, đang làm gì, nét mặt, cử chỉ thế nào,...).
- HS đọc tên bài kết hợp với quan sát tranh minh hoạ để phán đoán nội dung bài đọc: nhân vật, tên gọi,...
- HS nghe GV giới thiệu bài mới, quan sát GV ghi tên bài đọc mới *Bà tôi*.

B. Khám phá và luyện tập

1. Đọc

1.1. Luyện đọc thành tiếng

– HS nghe GV đọc mẫu (Gợi ý: giọng thông thả, tình cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm của bà về mái tóc, giọng nói, đôi mắt, nụ cười, lúc bà kể chuyện).

– HS nghe GV hướng dẫn đọc và luyện đọc một số từ khó: *xoã, giản dị, thấp thoáng, chuyện, ram ráp, ...*; hướng dẫn cách ngắt nghỉ và luyện đọc một số câu dài, nhấn giọng ở một số từ ngữ: *Trông bà thật giản dị/ trong bộ đồ bà ba/ và chiếc nón lá quen thuộc.//; Bà nở nụ cười hiền hậu, nheo đôi mắt đã có vết chân chim/ âu yếm nhìn tôi.//; Trong lúc mơ màng,/ tôi vẫn cảm nhận được/ bàn tay ram ráp của bà/ xoa nhẹ trên lưng.//*

– HS đọc thành tiếng câu, đoạn, bài đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp.

1.2. Luyện đọc hiểu

– HS giải thích nghĩa của một số từ khó, VD: *xoã* (buông toả xuống), *lùa* (luồn vào hay luồn qua nơi có chỗ trống hẹp), *tóc sêu* (tóc trắng hoặc nửa đen, nửa trắng, mọc lẻ tẻ trên đầu, cứng và gây ngứa), *giản dị* (đơn giản một cách tự nhiên, trong phong cách sống), *âu yếm* (biểu lộ tình thương yêu, trau mến bằng dáng điệu, cử chỉ, giọng nói), *thấp thoáng* (thoảng hiện rồi lại mất, lúc rõ lúc không), *ram ráp* (có nhiều đường hoặc nốt rất nhỏ lồi lên trên bề mặt, sờ vào không thấy mịn với mức độ ít).

– HS đọc thầm lại bài đọc và thảo luận theo cặp/ nhóm nhỏ để trả lời câu hỏi trong SHS.

– HS nêu nội dung bài đọc: *Tình cảm, sự quan tâm, chăm sóc của bà đối với cháu qua những việc làm quen thuộc mỗi ngày.*

– HS biết liên hệ bản thân: *quý trọng, kính yêu ông bà.*

1.3. Luyện đọc lại

– HS nêu cách hiểu của các em về nội dung bài. Từ đó, bước đầu xác định được giọng đọc và một số từ ngữ cần nhấn giọng.

– HS nghe GV đọc lại đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng*.

– HS luyện đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ *Tối nào, bà cũng kể chuyện* đến *trên lưng*.

– HS khá, giỏi đọc cả bài.

2. Viết

2.1. Nghe – viết

– HS đọc đoạn văn, trả lời câu hỏi về nội dung của đoạn văn.

– HS đánh vần một số tiếng/ từ khó đọc, dễ viết sai do cấu tạo hoặc do ảnh hưởng của phương ngữ, VD: *chuyên, ẩm áp, bàn tay, ram ráp, xoa,...*

– HS nghe GV đọc từng cụm từ ngữ và viết đoạn văn vào VBT. (GV hướng dẫn HS: lùi vào một ô khi viết chữ đầu tiên của đoạn văn; viết dấu chấm cuối câu; không bắt buộc HS viết hoa chữ T.)

– HS nghe GV đọc lại bài viết, tự đánh giá phần viết của mình và của bạn.

– HS nghe GV nhận xét một số bài viết.

2.2. Luyện tập chính tả – Viết tên người thân

– HS xác định yêu cầu của BT 2b.

– HS quan sát, thực hiện BT vào VBT.

– HS nêu kết quả.

– HS nghe GV nhận xét.

2.3. Luyện tập chính tả – Phân biệt /n, uôn/uông

– HS xác định yêu cầu của BT 2(c).

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chơi tiếp sức thực hiện BT trên bảng lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.

TIẾT 3, 4

3. Luyện từ

– HS xác định yêu cầu của BT 3, quan sát mẫu.

– HS quan sát mẫu, tìm từ ngữ theo yêu cầu trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật *Khăn trải bàn*, mỗi HS tìm 2 - 3 từ cho mỗi nhóm, ghi vào thẻ từ. Chia sẻ kết quả trước lớp.

– HS giải nghĩa các từ ngữ tìm được (nếu cần).

– HS nghe GV nhận xét kết quả.

4. Luyện câu

4.1. Xếp từ ngữ cho trước thành câu

– HS xác định yêu cầu của BT 4a, đọc các từ ngữ cho trước.

– HS thực hiện BT vào VBT.

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi và trình bày trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

4.2. Luyện tập đặt câu nói về tình cảm gia đình

- HS xác định yêu cầu của BT 4b.
- HS đặt câu theo yêu cầu BT trong nhóm đôi.
- HS nói trước lớp câu đặt theo yêu cầu.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- HS viết 1 – 2 câu vào VBT.
- HS tự đánh giá bài làm của mình và của bạn.

5. Kể chuyện (Xem – kể)

NHỮNG QUẢ ĐÀO

1. Sau một chuyến đi xa, ông mang về bốn quả đào cho bà và ba cháu nhỏ.
2. Bữa cơm chiều hôm ấy, ông hỏi các cháu:
 - Các cháu thấy đào có ngon không?Cậu bé Xuân nói:
 - Đào ngon và thật là thơm. Cháu đã đem hạt đi trồng. Chẳng bao lâu, nó sẽ mọc thành một cây đào to, ông nhỉ?
 - Mai sau, cháu sẽ làm vườn giỏi. – Ông hài lòng nhận xét.
3. Cô bé Vân thưa:
 - Đào ngon quá, cháu cảm ơn ông. Ăn xong, cháu bỏ hạt vào thùng rác rồi ạ.
 - Ô, cháu biết bảo vệ môi trường đấy!
4. Thấy Việt chỉ chăm chú nhìn vào tấm khăn trải bàn, ông ngạc nhiên hỏi:
 - Còn Việt, sao cháu chẳng nói gì?
 - Dạ, cháu mang đào cho Sơn ạ. Bạn ấy bị ốm. Nhưng bạn ấy không muốn nhận. Cháu đặt quả đào lên trên giường rồi trốn về.
 - Cháu là người có tấm lòng nhân hậu!Ông thốt lên và xoa đầu Việt.

Phỏng theo Lép Tôn-xtôi (Lev Tolstoy)

5.1. Phán đoán nội dung truyện Những quả đào

HS quan sát tranh, đọc tên truyện và phán đoán nội dung câu chuyện.

5.2. Nói về nội dung mỗi bức tranh

- HS quan sát từng tranh, đọc câu gợi ý dưới tranh và đọc lời nhân vật (nếu có).
- HS nói về nội dung mỗi tranh từ 1 – 2 câu. HS khá, giỏi có thể nói nội dung 2 tranh.

5.3. Kể từng đoạn của câu chuyện

– HS quan sát tranh và dựa vào kết quả hoạt động 5.2 để kể lại từng đoạn của câu chuyện trong nhóm nhỏ. (GV hướng dẫn HS sử dụng ánh mắt, cử chỉ; phân biệt giọng các nhân vật.)

– Nhóm HS kể nối tiếp từng đoạn của câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

5.4. Kể toàn bộ câu chuyện

– HS kể toàn bộ câu chuyện trong nhóm đôi.

– Một vài HS kể toàn bộ câu chuyện trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét phần kể chuyện.

– HS nói về nhân vật em thích và giải thích lí do. Trao đổi với bạn về nội dung câu chuyện.

Lưu ý: HS có thể thích các nhân vật khác (ngoài nhân vật Việt). GV hướng dẫn, khơi gợi để HS thể hiện ý kiến, không ép buộc.

TIẾT 5, 6

6. Viết thư thiệp

6.1. Phân tích mẫu

– HS xác định yêu cầu của BT 6a: đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm đôi.

– Một vài HS nói trước lớp.

– HS nhận xét về cách bạn Việt Tùng viết nội dung và trình bày thư thiệp.

6.2. Viết thư thiệp

– HS xác định yêu cầu của BT 6b, nói những điều em sẽ viết trong thư thiệp chúc mừng sinh nhật một người thân.

– HS viết thư thiệp.

– Một vài HS đọc bài trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

C. Vận dụng

1. Đọc mở rộng

1.1. Chia sẻ một bài văn đã đọc về gia đình

– HS xác định yêu cầu của BT 1a.

– HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về tên bài văn, tên tác giả, từ ngữ, hình ảnh em thích,...

– Một vài HS chia sẻ trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

1.2. Viết Phiếu đọc sách (trong VBT)

– HS viết vào *Phiếu đọc sách* tên bài văn, tên tác giả và hình ảnh đẹp.

– Một vài HS chia sẻ *Phiếu đọc sách* trước lớp.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.

2. Trò chơi Ca sĩ nhí

– HS hát bài hát về ông bà trong nhóm, hát trước lớp.

– HS nói về bài hát.

– HS nghe bạn và GV nhận xét.